

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/DSST/2020

Ngày: 29/10/2020

V/v: yêu cầu chia tài sản chung,
tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng

Bà Trần Thị Kim Phương

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29/10/2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số: 08/2020/TLST - DS, ngày 03/7/2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST – DS ngày 21/9/2020, T báo mở lại phiên tòa số 05/2020/TB-TA ngày 19/10/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Võ Thị H**, sinh năm: 1933, địa chỉ: **Thôn Q, xã T, huyện L**, tỉnh Hà Tĩnh (xin xét xử vắng mặt); người đại diện theo ủy quyền của bà **Võ Thị H**: **Bà Lâm Thị Thanh H**, địa chỉ: Số 26, tầng 1, chung cư Tân Phúc, đường Lê Mao kéo dài, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; (có mặt)

- Bị đơn: **Ông Quách Trọng T**, sinh năm: 1963, địa chỉ: **Thôn Q, xã T, huyện L**, tỉnh Hà Tĩnh; (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Lê Thị Đ**, địa chỉ: **Thôn Q, xã T, huyện L**, tỉnh Hà Tĩnh (vợ ông **Quách Trọng T**); (vắng mặt)

+ Bà **Quách Thị B**, sinh năm: 1972, địa chỉ: Xóm 1, **xã T, huyện L**, tỉnh Hà Tĩnh; (xin xét xử vắng mặt)

+ Anh **Quách Trọng Giang T**, sinh năm: 2000, địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; (xin xét xử vắng mặt)

+ Bà **Quách Thị M**, sinh năm: 1969, địa chỉ: **Thôn Q, xã T, huyện L**, tỉnh Hà Tĩnh; (xin xét xử vắng mặt)

+ Anh **Quách Trọng Hải A**, sinh năm: 1998, địa chỉ: Thôn Tân Kỳ, xã Ea Tóh, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, (có mặt)

+ Bà **Lê Thị V**, sinh năm: 1975, địa chỉ: Thôn Tân Kỳ, xã Ea Tóh, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk; (có mặt)

+ Chị **Quách Thị Mai L**, sinh năm 2004, địa chỉ: Thôn Tân Kỳ, xã Ea Tóh, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk; (xin xét xử vắng mặt)

* Người đại diện theo ủy quyền của bà **Quách Thị B**, anh **Quách Trọng Giang T**, bà **Quách Thị M**, anh **Quách Trọng Hải A**, bà **Lê Thị V**, chị **Quách Thị Mai L**: Bà **Lâm Thị Thanh H**, địa chỉ: Số 26, tầng 1, chung cư Tân Phúc, đường Lê Mao kéo dài, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; (có mặt)

+ Ủy ban nhân dân **huyện L**, tỉnh Hà Tĩnh: người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Quốc T, Phó Phòng tài nguyên môi trường; (có mặt)

+ Ủy ban nhân dân **xã T, huyện L**, tỉnh Hà Tĩnh: người đại diện theo ủy quyền: ông Lương Văn T, công chức địa chính; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, yêu cầu của nguyên đơn có nội dung:

Cụ **Võ Thị H**, sinh năm: 1933 cùng chồng là cụ **Quách Trọng M**(đã chết) đều thường trú tại **Thôn Q, xã T, huyện L**, tỉnh Hà Tĩnh. Hai cụ tạo lập được hai thửa đất, gồm: Thửa 327, tờ bản đồ số 4 diện tích 1240m² (nay là thửa 12, tờ bản đồ 31 diện tích 1635,2m²), theo bản đồ 299, sổ mục kê thể hiện người sử dụng đất là **Quách Trọng M**; thửa đất số 108, tờ bản đồ số 4, diện tích 416m² (nay là thửa 38, tờ bản đồ số 24, diện tích 501m²), theo bản đồ 299, sổ mục kê thể hiện người sử dụng đất là **Võ Thị H**. Hai thửa đất đều có nguồn gốc sử dụng trước năm 1980 và địa chỉ tại **Thôn Q, xã T, huyện L**, tỉnh Hà Tĩnh.

Cụ **Võ Thị H** và cụ **Quách Trọng M** có 05 người con là: Ông **Quách Trọng T**, sinh năm: 1965, bà **Quách Thị P**, sinh năm: 1964, (chết năm: 1997, không có gia đình), bà **Quách Thị M**, sinh năm: 1969, bà **Quách Thị B**, sinh năm: 1972, ông **Quách Trọng Sơn**, sinh năm: 1975 (chết năm 2011, có vợ là **Lê Thị V** và con là **Quách Trọng Hải A, Quách Trọng Giang T, Quách Thị Mai L**, địa chỉ: Thôn Tân Kỳ, xã Ea Tosh, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk).

Năm 1983, cụ **Quách Trọng M** chết không để lại di chúc. Cụ **Võ Thị H** sống cùng vợ chồng con trai là **Quách Trọng S** và con gái **Quách Thị P** tại thửa đất số

327, tờ bản đồ số 04, diện tích 1240m² (nay là thửa 12, tờ bản đồ số 31 diện tích 1635,2m²) tại **Thôn Q, xã T, huyện L**, tỉnh Hà Tĩnh. Ông **Quách Trọng T** sống tại thửa đất số 108, tờ bản đồ số 4, diện tích 416m² (nay là thửa 38, tờ bản đồ số 24, diện tích 501m²). Năm 1997, bà **Quách Thị P** chết, ông **Quách Trọng S** kết hôn với bà **Lê Thị V** về sống chung với cụ **H**, có sửa chữa căn nhà nhỏ của cụ Muống, cụ **H**. Năm 1999, cụ **H**, vợ chồng ông Sơn và các con vào Đăk Lăk sinh sống, để lại toàn bộ nhà cửa, cây cối. Năm 2001, cụ **H** về lại sống trên căn nhà này. Năm 2005, ông **T** cùng vợ và các con chuyển đến sống cùng cụ **H**, phá dỡ ngôi nhà cũ xây lại ngôi nhà mới trên nền móng cũ. Hiện nay, ông **Quách Trọng T** và vợ là bà **Lê Thị Đ** đang sử dụng thửa đất này, không cho cụ **Võ Thị H** sinh sống, nhiều lần đuổi cụ ra khỏi nhà, cụ phải về nhà con gái sinh sống. Năm 2014, UBND **huyện L** đã cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông **T, bà Đ** tại Giấy CNQSD đất số BV 989027 ngày 27/6/2014 đối với thửa đất số 327.

Vì vậy, cụ **Võ Thị H** khởi kiện yêu cầu Tòa án: Buộc ông **Quách Trọng T** phải trả lại ½ diện tích thửa đất số 327, tờ bản đồ số 04, diện tích 1240m² (nay là thửa 12, tờ bản đồ số 31 diện tích 1635,2m²) và ½ diện tích thửa đất số 108, tờ bản đồ số 4, diện tích 416m² (nay là thửa 38, tờ bản đồ số 24, diện tích 501m²), tại **Thôn Q, xã T, huyện L**, tỉnh Hà Tĩnh; chia di sản thừa kế của cụ **Quách Trọng M** để lại là ½ diện tích thửa đất số 327, tờ bản đồ số 04, diện tích 1240m² (nay là thửa 12, tờ bản đồ số 31 diện tích 1635,2m²) và ½ diện tích thửa đất số 108, tờ bản đồ số 4, diện tích 416m² (nay là thửa 38, tờ bản đồ số 24, diện tích 501m²); hủy Giấy CNQSD đất số BV 989027 ngày 27/6/2014 do UBND **huyện L** cấp cho ông **Quách Trọng T** và bà **Lê Thị Đ**.

Ngày 23/6/2020, cụ **Võ Thị H** thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Buộc ông **Quách Trọng T** phải trả lại ½ diện tích thửa đất số 327, tờ bản đồ số 04, diện tích 1240m² (nay là thửa 12, tờ bản đồ số 31 diện tích 1635,2m²), tại **Thôn Q, xã T, huyện L**, tỉnh Hà Tĩnh; chia di sản thừa kế của cụ **Quách Trọng M** để lại là ½ diện tích thửa đất số 327, tờ bản đồ số 04, diện tích 1240m² (nay là thửa 12, tờ bản đồ số 31 diện tích 1635,2m²); hủy Giấy CNQSD đất số BV 989027 ngày 27/6/2014 do UBND **huyện L** cấp cho ông **Quách Trọng T** và bà **Lê Thị Đ**. Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất, không yêu cầu chia nhà trên đất vì nhà cũ của hai cụ đã dỡ bỏ, hiện vợ chồng ông **T** đã xây dựng nhà mới.

Quá trình Tòa án làm việc, ông **Quách Trọng T** và bà **Lê Thị Đ** không hợp tác làm việc, không làm bản tự khai cũng như không thể hiện quan điểm đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Quách Thị B**, anh **Quách Trọng Giang T**, bà **Quách Thị M**, anh **Quách Trọng Hải A**, bà **Lê Thị V**, chị **Quách Thị Mai L** đều thống nhất ý kiến như nội dung khởi kiện của nguyên đơn và để lại ký phần thừa kế được chia cho cụ **Võ Thị H**, giao cho cụ **Võ Thị H** được toàn quyền định đoạt toàn bộ ký phần thừa kế của họ.

Các đồng thừa kế và người đại diện theo ủy quyền của cụ **Võ Thị H**, người đại diện theo ủy quyền của các đồng thừa kế thống nhất: giao lại một phần diện tích đất sau khi được chia cho vợ chồng ông **Quách Trọng T** và bà **Lê Thị Đ** (phần đất này bù vào công sức đóng góp của ông **T**, bà **Đ** và bồi thường tiền cây cối, cột bê tông, hàng rào thép gai nằm trên phần đất sau này Tòa án giao cho bà **H**); tổng diện tích gia đình ông **T** được sử dụng là 600m² (bao gồm kỹ phần thừa kế ông **T** được hưởng và phần diện tích bà **H** giao lại).

Đại diện UBND huyện **L**, UBND xã **T** trình bày: liên quan đến vụ việc tranh chấp có hai thửa đất: thửa thứ nhất là thửa số 327, tờ bản đồ số 04, hồ sơ 299 xã **T**, tên chủ sử dụng đất đăng ký trong bản đồ 299 là Quách Muồng, diện tích 1240m² (nay thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 31, bản đồ địa chính đo đạc năm 2012, diện tích 1635,2m²). Thửa thứ hai là thửa 108, tờ bản đồ số 04, bản đồ 299 xã **T**, đã được UBND huyện Can Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 579885 ngày 02/11/2001 mang tên Quách **T** (**Quách Trọng T**), diện tích 416m² (nay thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính đo đạc năm 2012). Việc UBND huyện **L** cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Quách Trọng T** từ thửa số 108, tờ bản đồ số 04, bản đồ 299 (nay thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính đo đạc năm 2012) sang thửa đất số 327, tờ bản đồ số 04, hồ sơ 299 (nay thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 31, bản đồ địa chính đo đạc năm 2012) xã **T** cho hộ ông **Quách Trọng T** và bà **Lê Thị Đ** là chưa đúng quy định. Lý do cấp sai quy định là do cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không chặt chẽ về nguồn gốc thửa đất, nên đã nhầm lẫn giữa hai thửa đất. Nay cụ **Võ Thị H** có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 989027 do UBND huyện **L** cấp ngày 27/6/2014 (thửa số 12, tờ bản đồ số 31, diện tích 1635,2m²) đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ việc, đã đề nghị Hội đồng xét xử: xét xử vắng mặt bị đơn **Quách Trọng T** và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan **Lê Thị Đ** vì đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do; về nội dung, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia tài sản chung và chia di sản thừa kế theo pháp luật, chấp nhận thỏa thuận của các đồng thừa kế (trừ ông **T**) tặng cho cụ **Võ Thị H** kỹ phần thừa kế của mình và thống nhất giao cho ông **T** diện tích đất bù vào công sức đóng góp, bồi thường giá trị tài sản trên đất được giao cho cụ **H**, tổng diện tích giao cho ông **T** là 600m² (bao gồm kỹ phần thừa kế ông **T** được hưởng và phần diện tích cụ **H** giao lại).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bị đơn ông **Quách Trọng T** và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Lê Thị Đ** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không hợp

tác làm việc, không làm bản tự khai cũng như không thể hiện quan điểm đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện, không tham gia phiên tòa. Do đó Tòa án căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về thời hiệu thừa kế, hàng thừa kế:

Năm 1983, ông **Quách Trọng Mchết** không để lại di chúc. Căn cứ quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 quy định về **thời hiệu thừa kế** như sau: “1. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế”, tại Phần 1 Giải đáp 01/GĐ-TANDTC năm 2018 có quy định đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10-9-1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế, cụ thể là: thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10-9-1990. Do đó, căn cứ theo quy định trên thì thời hiệu yêu cầu phân chia di sản thừa kế vẫn còn và phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Cụ **Võ Thị H** và cụ **Quách Trọng M** có 05 người con là: Ông **Quách Trọng T**, bà **Quách Thị P**, (chết năm: 1997, không có gia đình), bà **Quách Thị M**, bà **Quách Thị B**, ông **Quách Trọng S** (chết năm 2011, có vợ là **Lê Thị V** và con là **Quách Trọng Hải A**, **Quách Trọng Giang T**, **Quách Thị Mai L**). Do đó hàng thừa kế thứ nhất của ông **Muống** gồm: bà **H**, ông **T**, bà **Phương**, bà **Minh**, bà **Bình**, ông **Son**. Do bà **Phương** đã chết, không có gia đình nên không xem xét phân chia. Đối với ông **Son** chết năm 2011, sau thời điểm ông **Muống** chết nên vợ ông **Son** là bà **Vinh** và các con **Anh**, **Thanh**, **Linh** được hưởng kỷ phần thừa kế của ông **Son**.

[3] Về nguồn gốc đất:

Qua xác minh các tài liệu lưu trữ tại các cơ quan quản lý đất đai địa phương và trình bày của UBND xã **T**, UBND huyện **L** tại phiên tòa, liên quan đến vụ việc tranh chấp có hai thửa đất: thửa thứ nhất là thửa số 327, tờ bản đồ số 04, hồ sơ 299 xã **T**, tên chủ sử dụng đất đăng ký trong bản đồ 299 là **Quách Muống**, diện tích 1240m² (nay thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 31, bản đồ địa chính đo đạc năm 2012, diện tích 1635,2m²). Thửa thứ hai là thửa 108, tờ bản đồ số 04, bản đồ 299 xã **T**, mang tên **Võ Thị Muống** (tức là **Võ Thị H**, vợ ông **Muống**) đã được UBND huyện **Can Lộc** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 579885 ngày 02/11/2001 mang tên **Quách T** (**Quách Trọng T**), diện tích 416m² (nay thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính đo đạc năm 2012). Việc UBND huyện **L** cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Quách Trọng T** từ thửa số 108, tờ bản đồ số 04, bản đồ 299 (nay thuộc thửa số 38, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính đo đạc năm 2012) sang thửa đất số 327, tờ bản đồ số 04, hồ sơ 299 (nay thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 31, bản đồ địa chính đo đạc năm 2012) xã **T** cho hộ ông **Quách Trọng T** và bà **Lê Thị Đ** là chưa đúng quy định. Lý do cấp sai là do cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không chặt chẽ về nguồn gốc thửa đất, nên đã nhầm lẫn giữa hai thửa đất. Với các tài liệu, chứng cứ trên có căn cứ khẳng định thửa

đất số 12, tờ bản đồ số 31 đo đạc năm 2012, diện tích 1635,2m² (trong đó 200m² đất ở, 1435,2m² đất vườn) là tài sản chung của cụ Muống và cụ **H**. Do đó có căn cứ hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 989027 do UBND **huyện L** cấp ngày 27/6/2014 đã cấp cho hộ ông **Quách Trọng T** và bà **Lê Thị Đ**. Mặc dù Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ ông **Quách Trọng T** và bà **Lê Thị Đ** nhưng nguồn gốc đất của hai cụ **H**, Muống, việc cấp giấy là sai, do đó các con trong hộ gia đình ông **T** không có quyền lợi về đất và không tham gia người có quyền lợi và nghĩa vụ trong vụ án.

Đối với thửa số 38, tờ bản đồ số 24, bản đồ địa chính đo đạc năm 2012, diện tích 416m² đương sự không có yêu cầu giải quyết.

[4] Về xác định tài sản chung và di sản thừa kế:

Kết quả thẩm định tại chỗ ngày 20/8/2020, diện tích đất thực tế là 1563,59m², các đương sự không có ý kiến về kết quả đo đạc. Thửa đất là tài sản chung vợ chồng nên cụ **H** được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ tức bằng 781,795m², phần còn lại của cụ Muống 781,795m² là di sản thừa kế. Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nhà trên đất nên không xem xét.

[5] Phân chia di sản thừa kế:

Di sản thừa kế của cụ **Quách Trọng M** là 781,795m² đất được chia 5 kỷ phần cho hàng thừa kế thứ nhất, mỗi kỷ phần là 156,359m². Ông Sơn đã mất nên vợ và các con được hưởng kỷ phần di sản thừa kế của ông Sơn, mỗi người được hưởng là $156,359\text{m}^2/4=39,08\text{m}^2$.

Các đồng thừa kế bà Minh, bà Bình, bà Vinh và các con Anh, Thanh, Linh đều thống nhất giao lại kỷ phần thừa kế của mình cho cụ **Võ Thị H**, do đó cụ **H** được hưởng thừa kế là: $4 \times 156,359\text{m}^2 = 625,436\text{m}^2$. Các đồng thừa kế và cụ **Võ Thị H** thống nhất giao lại cho ông **T** diện tích 443,641m² bù công sức đóng góp tôn tạo đất của vợ chồng ông **T** và bồi thường cây cối, cột bê tông, hàng rào thép gai và các tài sản khác trên phần đất giao cho cụ **H**. Như vậy ông **T** được quyền sử dụng là: $156,359\text{m}^2 + 443,641\text{m}^2 = 600\text{m}^2$ (trong đó 100m² đất ở, 500m² đất vườn). Tổng diện tích bà **H** được quyền sử dụng là $181,795\text{m}^2 + 781,795\text{m}^2 = 963,59\text{m}^2$ (trong đó 100m² đất ở và 863,59m² đất vườn).

Xét thấy trên thửa đất đang có ngôi nhà vợ chồng ông **T**, bà **Đ** sinh sống, giao cho ông **T** phần đất có nhà để gia đình tiếp tục ổn định cuộc sống, giao cho bà **H** phần đất trống.

Kết quả định giá, đất ở 540.000đ/m², đất vườn 53.200đ/m².

[6] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: nguyên đơn tự nguyện nộp nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí:

Cụ **Võ Thị H** được quyền sử dụng 963,59m² trị giá 99.942.988đồng. Tuy nhiên cụ **H** sinh năm 1933 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản được hưởng.

Ông **Quách Trọng T** được quyền sử dụng 600m² trị giá 80.600.000đ, số tiền án phí dân sự sơ thẩm phải chịu là 4.030.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 32, Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Điều 612, 613, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự 2015; Điều 106 Luật đất đai 2013; Điều 12, 14, 15, khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ **Võ Thị H** về chia tài sản chung và chia di sản thừa kế theo pháp luật:

Giao cho cụ **Võ Thị H** được quyền sử dụng phần đất diện tích 963,59m² (trong đó 100m² đất ở và 863,59m² đất vườn) tại **Thôn Q, xã T, huyện L**, tỉnh Hà Tĩnh. Phần đất có các ranh giới, tứ cận như sau: Phía bắc giáp đất ông **Quách Trọng T**, dài 26,96m (từ mốc 4-5); phía nam giáp đường bê tông, dài 24,79m (từ mốc 7-8); phía đông giáp đất trồng cây lâu năm, dài 23,42m + 14,95m (từ mốc 4-9 và 9-8); phía tây giáp đường đất, dài 14,29m + 24,86m (từ mốc 5-7).

Giao cho ông **Quách Trọng T** được quyền sử dụng phần đất diện tích 600m² tại **Thôn Q, xã T, huyện L**, tỉnh Hà Tĩnh. Phần đất có các ranh giới, tứ cận như sau: Phía bắc giáp đất bà Nguyễn Thị Hương, dài 26,94m (từ mốc 1-2); phía nam giáp đất cụ **Võ Thị H**, dài 26,96m (từ mốc 4-5); phía đông giáp đất trồng cây lâu năm, dài 8,98m + 12,99m (từ mốc 2-3 và mốc 3-4); phía tây giáp đường đất, dài 20,15m + 1,61m (từ mốc 1-6 và mốc 6-5).

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

Ông **Quách Trọng T** có trách nhiệm di dời toàn bộ cây cối, cột bê tông, hàng rào thép gai và các tài sản khác trên phần đất được giao cho cụ **Võ Thị H**.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 989027 do UBND **huyện L** cấp ngày 27/6/2014 (thửa số 12, tờ bản đồ số 31, diện tích 1635,2m²) mang tên ông **Quách Trọng T** và bà **Lê Thị Đ**.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp, đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: nguyên đơn tự nguyện nộp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: cụ **Võ Thị H** được miễn tiền án phí chia tài sản; ông **Quách Trọng T** phải chịu 4.030.000đ tiền án phí chia tài sản.

- Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND **huyện L**;
- Chi cục THA.DS **huyện L**;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Đào